

Bản án số: 71/2021/KDTM-ST

Ngày 17-11-2021

V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐA, HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thúy;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Mai;

Bà Nguyễn Thị Cờ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga- Thư ký Tòa án nhân dân quận Đống Đa, TP Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên tòa: Bà Phạm Hà Thanh- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15, 17 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2020/TLST-KDTM ngày 05 tháng 02 năm 2020 về *Tranh chấp Hợp đồng tín dụng* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 168/2021/QĐXX-ST ngày 07/10/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 182/2021/QĐST-HPT ngày 29/10/2021; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội;

Địa chỉ trụ sở: Số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hữu Đức- Chủ tịch HĐQT; Đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Ngọc Hà- Chuyên viên tố tụng (Văn bản ủy quyền số 3980 ngày 22/6/2021). Bà Hà có mặt.

Bị đơn: Công ty TNHH NT;

Địa chỉ trụ sở: Số 143 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Mạnh T - Giám đốc. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1- Ông Phạm Văn V, sinh năm 1954. Có đơn xét xử vắng mặt.

2- Bà Giang Thị K, sinh năm 1969. Vắng mặt.

3- Anh Phạm Văn D, sinh năm 1979. Có đơn xét xử vắng mặt.

4- Chị Nguyễn Thị V1, sinh năm 1983. Vắng mặt.

5- Anh Phạm Văn B, sinh năm 1982. Vắng mặt.

6- Cháu Phạm Hoài N, sinh năm 2008. Vắng mặt.

7- Cháu Phạm Quang V2, sinh năm 2011. Vắng mặt.

Đại diện cho cháu N và cháu V2 là anh Phạm Văn D (bố đẻ).

Cùng địa chỉ: Số 22, ngõ 651, phố Minh Khai, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Chị Nguyễn Thị V1, anh Phạm Văn B ủy quyền cho anh Phạm Văn D theo Giấy ủy quyền số chứng thực 0321.2020 ngày 09/3/2020.

Bà Giang Thị K ủy quyền cho ông Phạm Văn V.

Ông Phạm Văn V ủy quyền cho ông Nguyễn Đức Tr theo Giấy ủy quyền số chứng thực 0320.2020 ngày 09/3/2020. Ông Tr vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Phạm Văn V: Luật sư Đỗ Minh H- Văn phòng luật sư JVN, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

8- Phòng công chứng số 4 thành phố Hà Nội; Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà N4D, khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Có đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/12/2019, bổ sung ngày 16/01/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội trình bày:

Ngân hàng TMCP Quân đội (sau đây gọi tắt là Ngân hàng MB)- Chi nhánh Thanh Xuân đã ký Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số: 98.12.003.1052909.TD ngày 10/04/2012 và văn bản sửa đổi hợp đồng số 98.12.003.105299.TD/PL01 ngày 10/12/2012; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số: 70.12.003.1052909.TD ngày 28/03/2012 và văn bản sửa đổi hợp đồng số: 70.10.003.1052909.TD.PL01 ngày 29/10/2012 với Bên vay là Công ty TNHH NT (sau đây gọi tắt là Công ty NT), cùng các khế ước nhận nợ như sau:

- Hợp đồng số 98.12.003.1052909.TD; số khế ước LD1210100496; ngày nhận nợ 10/4/2012; ngày đến hạn 31/3/2013; lãi suất 16,5%/năm; số tiền vay 1.500.000.000 đồng.

Tài sản để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng này là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 6I-IV-33, địa chỉ: 24 tổ 28a phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số 10107190851, hồ sơ gốc số 4315.2002.QĐUB/19620.2002 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 19/6/2002 đứng tên ông Phạm Văn V và bà Phạm Thị B. Hợp đồng thế chấp công chứng số 1099.2012/HĐTC, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/4/2012 được công chứng tại Phòng Công chứng số 4 thành phố Hà Nội và được đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật.

- Hợp đồng số 70.12.003.1052909.TD; số khế ước LD1206500132; ngày nhận nợ 29/3/2012; ngày đến hạn 29/10/2012 (gia hạn nợ đến ngày 10/01/2013); lãi suất 17,5%/năm; số tiền vay 1.000.000.000 đồng.

Tài sản bảo đảm cho Hợp đồng là hàng tồn kho luân chuyển bao gồm các mặt hàng thành phẩm từ cói, tre, mây đan, sơn mài... phục vụ xuất khẩu tại kho ở Cụm công nghiệp Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, Hà Nội.

Hiện tài sản bảo đảm của Hợp đồng này không còn nữa vì sau khi Công ty NT dừng hoạt động đã bán hết tài sản. Hiện kho tại Khu công nghiệp Chương Mỹ cũng không còn hoạt động. Khoản vay của Hợp đồng số 70 trở thành khoản vay không có tài sản bảo đảm.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty NT đã không trả nợ theo như cam kết trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ dẫn đến khoản nợ bị chuyển quá hạn, đối với Hợp đồng tín dụng số 70 là kể từ ngày 09/01/2013 đối với Hợp đồng tín dụng số 98 là kể từ ngày 31/3/2013 (ngày nộp tiền cuối cùng, bắt đầu từ ngày đó được coi là quá hạn).

Tính đến thời điểm ngày 07/10/2021, Công ty NT đã trả được cho Ngân hàng tổng số tiền: 547.449.092 đồng, Bao gồm: nợ gốc 360.000.000 đồng, nợ lãi 187.449.092 đồng.

Trong đó:

- Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số: 98.12.003.1052909.TD ngày 10/04/2012, đã trả được 360.000.000 đồng nợ gốc và 167.750.000 đồng nợ lãi.

- Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số: 70.12.003.1052909.TD ngày 28/03/2012, chưa trả nợ gốc, nợ lãi đã trả được 19.699.092 đồng.

Nay Ngân hàng MB yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

1. Buộc Công ty NT thanh toán cho Ngân hàng MB các khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số: 98.12.003.1052909.TD, ngày 10/04/2012; văn bản sửa đổi hợp đồng số 98.12.003.105299.TD/PL01 ngày 10/12/2012 và Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số: 70.12.003.1052909.TD ngày 28/03/2012; văn bản sửa đổi hợp đồng số: 70.10.003.1052909.TD.PL01 ngày 29/10/2012 và các khế ước nhận nợ đã ký, tạm tính đến ngày 07/10/2021 số tiền còn nợ là:

- Hợp đồng số 98.12.003.1052909.TD: Nợ gốc 1.140.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn 91.575.000 đồng; Nợ lãi quá hạn 3.024.252.000 đồng; Phạt chậm trả gốc 6.410.250 đồng. Tổng cộng 4.262.237.250 đồng.

- Hợp đồng số 70.12.003.1052909.TD: Nợ gốc 1.000.000.000; Nợ lãi trong hạn 38.050.908 đồng; Nợ lãi quá hạn 2.538.593.750 đồng; Phạt chậm trả gốc 2.663.564 đồng. Tổng cộng 3.579.308.222 đồng.

Tổng cộng 02 hợp đồng: Nợ gốc 2.140.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn 129.625.908 đồng; Nợ lãi quá hạn 5.562.845.750 đồng; Phạt chậm trả gốc 9.073.814 đồng. Tổng cộng 7.841.545.472 đồng.

2. Buộc Công ty NT phải thanh toán phần nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn thỏa thuận quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng và các khế ước nhận nợ kể từ ngày 08/10/2021 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng MB.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty NT không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ theo cả 02 Hợp đồng tín dụng nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng MB có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án: Cưỡng chế bàn giao tài sản bảo đảm của khoản vay cho Ngân hàng MB để Ngân hàng tự mình xử lý thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Hoặc đề nghị Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi nợ cho MB, tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 17, tờ bản đồ số 6I-IV-33, địa chỉ: 24 tổ 28a phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số 10107190851, hồ sơ gốc số 4315.2002.QĐUB/19620.2002 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 19/06/2002 đứng tên ông Phạm Văn V và bà Phạm Thị Bính.

4. Số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty NT đối với Ngân hàng MB. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết các khoản nợ theo cả 02 Hợp đồng tín dụng nêu trên thì Công ty NT vẫn phải có trách nhiệm thanh toán cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng MB.

Về yêu cầu độc lập của ông Phạm Văn V yêu cầu hủy Hợp đồng thế chấp, Ngân hàng không đồng ý vì việc thế chấp đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn Công ty TNHH NT: Qua xác minh, Công ty TNHH NT (sau đây gọi tắt là Công ty NT) không còn hoạt động tại địa chỉ số 143 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội. Nhà số 143 Láng Hạ của ông Đỗ Mạnh T (đại diện theo pháp luật của Công ty NT), hiện cho Công ty thu nợ Dân An thuê địa điểm, ông T không sinh sống tại địa chỉ trên, ông T đã chuyển đi đâu không rõ. Tòa án đã đăng tin tìm kiếm ông Đỗ Mạnh T trên các phương tiện thông tin đại chúng, tổng đạt niêm yết các văn bản tố tụng nhưng ông T không có mặt theo triệu tập. Thành viên góp vốn thứ 2 của Công ty NT là ông Đỗ Văn Lịch (ĐKHKT: Thôn Văn Miêu, xã Minh Sơn, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn), qua xác minh tại địa phương nơi đăng ký thường trú không có người nào tên Đỗ Văn Lịch sinh sống. Tòa án không lấy được lời khai của ông Đỗ Mạnh T và các thành viên góp vốn nên đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn V, anh Phạm Văn Duy thống nhất trình bày:

Ngày 05/4/2012, ông Phạm Văn V và vợ là bà Phạm Thị Bính (bà Bính đã chết ngày 22/4/2017) cùng ông Đỗ Mạnh T- đại diện Công ty NT và bà Nguyễn Thị Hồng Lợi- đại diện Ngân hàng MB; có ký Hợp đồng thế chấp nhà đất tại trụ sở Phòng công chứng số 4 thành phố Hà Nội để đảm bảo cho khoản vay của Công ty NT.

Hợp đồng thế chấp trên có một số sai phạm sau:

- Theo điều 40, điều 41 Luật công chứng quy định: “Công chứng viên hướng dẫn người yêu cầu công chứng tuân thủ đúng các quy định về thủ tục công chứng và các quy định pháp luật có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng, giao dịch; giải thích cho người yêu cầu công chứng hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của họ, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc tham gia hợp đồng, giao dịch”. Nhưng khi ký Hợp đồng thế chấp ông V, bà B không được công chứng viên giải thích quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cũng như ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc tham gia Hợp đồng thế chấp này. Vì công chứng viên không giải thích nên ông V, bà B không hiểu về hậu quả là “nếu ông T không trả được thì ông V, bà B phải trả” nên ông V, bà B mới ký. Công chứng viên đã vi phạm Luật công chứng.

- Bà Nguyễn Thị Hồng Lợi ký Hợp đồng thế chấp là không đúng quy định của pháp luật. Cụ thể: Người ký Hợp đồng thế chấp phải là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng hoặc phải là người được ủy quyền hợp pháp. Bà Nguyễn Thị Hồng Lợi ký Hợp đồng thế chấp dựa trên Giấy ủy quyền số 270/GUQ- MB-TXU ngày 05/4/2012 do ông Đỗ Việt Cường- Phó Giám đốc Chi nhánh ủy quyền. Ông Đỗ Việt Cường ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Hồng Lợi dựa trên Quyết định số 1121/UQ-MB-HS ngày 10/3/2011 (thực ra là Giấy ủy quyền) của Tổng Giám đốc Ngân hàng MB. Tuy nhiên Giấy ủy quyền số 1121 không có nội dung ghi Tổng Giám đốc ủy quyền cho ông Đỗ Việt Cường ký Hợp đồng thế chấp. Vì vậy việc ông Đỗ Việt Cường ủy quyền lại cho bà Nguyễn Thị Hồng Lợi ký Hợp đồng thế chấp là vượt phạm vi nội dung ủy quyền, bà Lợi không có thẩm quyền ký Hợp đồng thế chấp. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 29 ngày 27/6/2011 thì người đại diện theo pháp luật là ông Lê Hữu Đức- Chủ tịch HĐQT chứ không phải là ông Lê Công, nên Quyết định ủy quyền 270 của ông Cường ủy quyền cho bà Lợi là không đúng vì Giấy ủy quyền 1121 đã hết giá trị.

Ngoài ra ông Đỗ Mạnh T là người đại diện theo pháp luật của Công ty NT đã vay tiền của Ngân hàng MB và các Ngân hàng khác nhưng có tình không trả

và bỏ trốn, chiếm đoạt tiền của các Ngân hàng nên ông T có dấu hiệu phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt T sản theo Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng thế chấp ngày 05/4/2012 vô hiệu và chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra- Công an thành phố Hà Nội xem xét dấu hiệu phạm tội của ông Đỗ Mạnh T.

Ngày 08/8/2020, ông Phạm Văn V có đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu Tòa án giải quyết: Xác định Hợp đồng thế chấp ký ngày 05/4/2012 tại Phòng công chứng số 4 Hà Nội giữa ông Phạm Văn V, bà Phạm Thị Bích và Ngân hàng MB, Công ty NT bị vô hiệu toàn bộ do vi phạm điều cấm của pháp luật và vô hiệu do nhầm lẫn, lừa dối. Xác định việc đăng ký giao dịch bảo đảm cho Hợp đồng thế chấp không có giá trị pháp lý. Buộc Ngân hàng MB phải trả lại bản gốc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho ông Phạm Văn V. Trường hợp Ngân hàng MB không trả lại bản gốc Giấy chứng nhận, cơ quan thi hành án dân sự được quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10107190851 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 19/6/2002 để cấp lại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở khác cho ông Phạm Văn V. Ông V được quyền dùng bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án để đăng ký điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng số 4 thành phố Hà Nội trình bày:

Ngày 05/4/2012, Phòng công chứng số 4 thành phố Hà Nội đã tiếp nhận yêu cầu công chứng Hợp đồng thế chấp cho bên thế chấp là ông Phạm Văn V, bà Phạm Thị Bích; Bên vay là Công ty TNHH NT; Bên nhận thế chấp là Ngân hàng Quân đội- Chi nhánh Thanh Xuân. Trên cơ sở các giấy tờ do các bên cung cấp, Công chứng viên Nguyễn Quang Minh đã chứng nhận Hợp đồng thế chấp số 1099.2012/HĐTC, quyển số 01TP/CC-SCC. Tài sản thế chấp là toàn bộ căn nhà và quyền sử dụng thửa đất số 17, tờ bản đồ số 6I-IV-33, địa chỉ: 24 tổ 28a, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Các bên đã xuất trình đủ bản chính các giấy tờ cần thiết, các giấy tờ điều hợp pháp và đủ điều kiện để công chứng Hợp đồng thế chấp. Tại thời điểm công chứng, Phòng công chứng không nhận được bất kỳ văn bản nào của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hay của cá nhân, tổ chức yêu cầu dừng việc công chứng Hợp đồng giao dịch liên quan đến tài sản nêu trên. Các bên đều có mặt tại trụ sở phòng công chứng, có đủ năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật và tự nguyện giao kết hợp

đồng. Bên thế chấp đã viết Giấy yêu cầu công chứng với nội dung: thế chấp tài sản là nhà đất của mình tại địa chỉ: 24 tổ 28a, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ khoản vay 1.544.000.000 đồng của Công ty NT. Bên nhận thế chấp có giấy ủy quyền hợp lệ của Phó giám đốc Chi nhánh Đỗ Việt Cường cho bà Nguyễn Thị Hồng Lợi, chuyên viên hỗ trợ quan hệ khách hàng. Các bên đã tự đọc hợp đồng, nghiên cứu kỹ nội dung hợp đồng cũng như đã được công chứng viên giải thích nội dung hợp đồng, quyền và nghĩa vụ của các bên và các quy định của pháp luật có liên quan khi giao kết hợp đồng. Các bên công nhận đã hiểu nội dung hợp đồng, quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trước pháp luật khi giao kết hợp đồng, đã đồng ý với toàn bộ nội dung hợp đồng và đã ký hợp đồng trước mặt công chứng viên. Căn cứ vào các giấy tờ mà các bên đã xuất trình, quy định pháp luật tại thời điểm công chứng và trình tự thủ tục mà công chứng viên đã thực hiện, Phòng công chứng số 4 thành phố Hà Nội khẳng định việc công chứng hợp đồng thế chấp số 1099.2012/HĐTC ngày 05/4/2012 là đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Phòng công chứng đề nghị được vắng mặt tại các phiên triệu tập của Tòa án.

Tại phiên tòa:

* Đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 10/11/2021 ông Phạm Văn V đã nộp thay cho Công ty NT số tiền 1.400.000.000 đồng. Ngân hàng MB đã chấp thuận giải chấp tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số 10107190851, hồ sơ gốc số 4315.2002.QĐUB/19620.2002 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 19/06/2002 đứng tên ông Phạm Văn V và bà Phạm Thị B.

Tính đến ngày 10/11/2021, Công ty NT còn nợ số tiền như sau:

Nợ gốc: 740.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 145.278.686 đồng; Nợ lãi quá hạn 5.353.696.000 đồng; Tổng cộng: 6.238.974.686 đồng.

Cụ thể:

+ Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 70.12.003.1052909.TD ngày 28/03/2012:

Dư nợ gốc còn lại: 740.000.000 đồng.

Dư nợ lãi chưa trả: 2.361.516.186 đồng (Trong đó lãi trong hạn: 53.703.686 đồng; lãi quá hạn: 2.307.812.500 đồng).

Tổng cộng: 3.101.516.186 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 98.12.003.1052909.TD, ngày 10/04/2012:

Dư nợ gốc còn lại: 0 đồng.

Dư nợ lãi chưa trả: 3.137.458.500 đồng (Trong đó lãi trong hạn: 91.575.000 đồng; lãi quá hạn: 3.045.883.500 đồng).

Tổng cộng: 3.137.458.500 đồng.

Nay Ngân hàng MB đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty NT phải trả số tiền còn nợ là 6.238.974.686 đồng và phải thanh toán phần nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn thỏa thuận quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng và các khế ước nhận nợ kể từ ngày 11/11/2021 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng MB.

- Về số tiền phạt chậm trả gốc theo liệt kê tại bản Tình hình giao dịch tiền vay của Công ty NT tính đến ngày 10/11/2021, Ngân hàng MB không đề nghị Công ty NT phải trả.

- Ngân hàng MB rút toàn bộ yêu cầu liên quan đến việc xử lý tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 17, tờ bản đồ số 6I-IV-33, địa chỉ: 24 tổ 28a phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số 10107190851, hồ sơ gốc số 4315.2002.QĐUB/19620.2002 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 19/06/2002 đứng tên ông Phạm Văn V và bà Phạm Thị B.

* Bị đơn Công ty NT đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

* Phòng công chứng số 4 thành phố Hà Nội đề nghị xét xử vắng mặt.

* Ông Phạm Văn V có đơn xin rút yêu cầu độc lập với nội dung: Ngày 10/11/2021 ông V đã nộp thay cho Công ty NT số tiền 1.400.000.000 đồng tại Ngân hàng MB và Ngân hàng MB đã trả lại cho ông Phạm Văn V Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở. Ông Phạm Văn V xin rút yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố Hợp đồng thế chấp vô hiệu, trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở cho ông Phạm Văn V.

Ông Phạm Văn V, anh Phạm Văn D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do không còn liên quan gì đến vụ án, đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng quyền hạn, nhiệm vụ theo quy định tại Chương 14 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người liên quan đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 73, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Quân đội về việc buộc Công ty TNHH NT thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 70.12.003.1052909.TD ngày 28/3/2012 và Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 98.12.003.1052909.TD, ngày 10/4/2012 và tính lãi theo quy định của pháp luật.

Về yêu cầu độc lập của ông Phạm Văn V: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu độc lập của ông V về việc yêu cầu tuyên bố Hợp đồng thế chấp vô hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các tài liệu chứng cứ do các bên đương sự cung cấp cùng các tài liệu Tòa án xác minh thu thập được xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại tranh chấp về Hợp đồng tín dụng. Bị đơn Công ty NT có địa chỉ trụ sở tại số 143 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội. Vì vậy, Tòa án nhân dân quận Đống Đa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền được quy định tại điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện theo pháp luật của Công ty NT là ông Đỗ Mạnh T hiện vắng mặt tại nơi cư trú, không rõ ở đâu, Tòa án đã đăng tin tìm kiếm ông Đỗ Mạnh T trên các phương tiện thông tin đại chúng, tổng đạt niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng công chứng số 4 thành phố Hà Nội, ông Phạm Văn V, anh Phạm Văn Duy đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn và người liên quan trên.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

** Về số tiền nợ gốc nguyên đơn yêu cầu thanh toán:*

- Khế ước 1: Ngân hàng TMCP Quân đội- Chi nhánh Thanh Xuân và Công ty NT ký Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số: 70.12.003.1052909.TD ngày 28/3/2012 và văn bản sửa đổi hợp đồng số: 70.10.003.1052909.TD.PL01 ngày 29/10/2012 với nội dung: Ngân hàng cấp cho Công ty NT vay một khoản tín dụng có xác định thời hạn với số tiền cam kết tối đa là 1.000.000.000 đồng. Mục đích vay để thanh toán tiền mua hàng. Lãi suất thả nổi áp dụng cho khoản vay là 17,5%/năm, biên độ là 3,5%/năm. Kỳ điều chỉnh lãi suất định kỳ 03 tháng/lần kể từ thời điểm giải ngân. Số tiền giải ngân 1.000.000.000 đồng. Ngày giải ngân 29/3/2012, ngày

đáo hạn 29/10/2012. Tại văn bản sửa đổi Hợp đồng ngày 29/10/2012 gia hạn thời gian vay vốn: ngày đáo hạn cuối cùng kể từ lần gia hạn nợ đầu tiên của khoản vay là ngày 10/01/2013.

- Khế ước 2: Ngân hàng TMCP Quân đội- Chi nhánh Thanh Xuân và Công ty NT ký Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số: 98.12.003.1052909.TD ngày 10/4/2012 và văn bản sửa đổi hợp đồng số 98.12.003.105299.TD/PL01 ngày 10/12/2012; với nội dung: Ngân hàng cấp cho Công ty NT vay một khoản tín dụng có xác định thời hạn với số tiền cam kết tối đa là 1.500.000.000 đồng. Mục đích vay để thanh toán tiền mua hàng. Lãi suất thả nổi áp dụng cho khoản vay là 16,5%/năm, biên độ là 3,5%/năm. Kỳ điều chỉnh lãi suất định kỳ 03 tháng/lần kể từ thời điểm giải ngân. Số tiền giải ngân 1.500.000.000 đồng. Ngày giải ngân 10/4/2012, ngày đáo hạn 10/12/2012. Tại văn bản sửa đổi Hợp đồng ngày 10/12/2012 gia hạn thời gian vay vốn: ngày đáo hạn cuối cùng kể từ lần gia hạn nợ đầu tiên của khoản vay là ngày 31/3/2013.

Kể từ thời điểm vay, Công ty NT trả được 360.000.000 đồng tiền nợ gốc của Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số: 98.12.003.1052909.TD ngày 10/4/2012. Đến ngày 10/11/2021 ông Phạm Văn V trả số tiền 1.400.000.000 đồng. Ngân hàng MB trừ vào số tiền gốc của Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số: 98.12.003.1052909.TD ngày 10/4/2012 là 1.140.000.000 đồng và trừ vào số tiền gốc của Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số: 70.12.003.1052909.TD ngày 28/3/2012 là 260.000.000 đồng. Số tiền nợ gốc còn lại 740.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận định việc các bên ký kết các Hợp đồng tín dụng trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các quy định về cho vay tài sản của Bộ luật dân sự. Do đó xác định đây là các Hợp đồng hợp pháp có hiệu lực thi hành đối với các bên. Công ty NT vi phạm các điều khoản về thanh toán, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết tại các Hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng MB đã chuyển khoản vay của Công ty NT sang nợ quá hạn và khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty NT phải thanh toán cho Ngân hàng MB số tiền nợ gốc còn lại của Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số: 70.12.003.1052909.TD ngày 28/3/2012 là 740.000.000 đồng là có căn cứ được chấp nhận.

** Về số tiền nợ lãi:*

Qua xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và căn cứ vào các Hợp đồng tín dụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Thời điểm ký các hợp đồng là ngày 28/3/2012 và ngày 10/4/2012, căn cứ khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: “Tổ chức tín dụng

và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Việc thỏa thuận về lãi suất cho vay là phù hợp quy định của pháp luật và được bên vay chấp nhận.

+ Nợ lãi trong hạn:

* Đối với Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 70.12.003.1052909.TD ngày 28/3/2012: Ngày đến hạn của Hợp đồng là ngày 29/10/2012, gia hạn nợ đến ngày 10/01/2013. Nhưng từ ngày 31/10/2012 Công ty NT đã dừng thanh toán mặc dù được gia hạn nên từ ngày 31/10/2012 khoản nợ chuyển quá hạn. Theo quy định tại Hợp đồng, lãi suất điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần, trong mọi trường hợp lãi suất cho vay không nhỏ hơn lãi suất tối thiểu là 17,5%/năm. Ngân hàng MB chỉ áp dụng một mức lãi suất 17,5%/năm đối với khoản vay của Hợp đồng 70 mà không điều chỉnh lãi suất, xét sự tự nguyện của Ngân hàng MB là phù hợp pháp luật nên chấp nhận. Lãi trong hạn phải thu của Hợp đồng 70 là 168.680.556 đồng, đã thu được 114.976.870 đồng, còn phải thu 53.703.686 đồng theo liệt kê tại bản Tình hình giao dịch tiền vay của Công ty NT tính đến ngày 10/11/2021 của Ngân hàng MB là có căn cứ được chấp nhận.

* Đối với Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số: 98.12.003.1052909.TD ngày 10/4/2012: Ngày đến hạn của Hợp đồng là ngày 10/12/2012, gia hạn nợ đến ngày 31/3/2013. Theo Phụ lục Hợp đồng 98 ký ngày 10/12/2012, lãi suất gia hạn nợ từ 60-120 ngày là 120% lãi suất gia hạn nợ, vì vậy lãi suất áp dụng là 19,8%/năm tính từ ngày 10/12/2012. Lãi trong hạn phải thu của Hợp đồng 98 là 259.325.000 đồng, đã thu được 167.750.000 đồng, còn phải thu 91.575.000 đồng theo liệt kê tại bản Tình hình giao dịch tiền vay của Công ty NT tính đến ngày 10/11/2021 của Ngân hàng MB là có căn cứ được chấp nhận.

+ Nợ lãi quá hạn:

Điểm d Khoản 1 Điều 3 của các Hợp đồng đều quy định: Bên vay phải chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và cố định trong suốt thời gian quá hạn.

- Đối với Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số: 70.12.003.1052909.TD ngày 28/3/2012, thời điểm chuyển nợ quá hạn là ngày 31/10/2012, lãi suất tại thời điểm chuyển nợ quá hạn là 17,5%/năm, lãi quá hạn là 26,25%/năm. Số lãi quá hạn phải thu là 2.307.812.500 đồng, lãi đã thu 0 đồng, còn phải thu 2.307.812.500 đồng.

- Đối với Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số: 98.12.003.1052909.TD ngày 10/4/2012, thời điểm chuyển nợ quá hạn là ngày 31/3/2013, lãi suất tại thời điểm chuyển nợ quá hạn là 19,8%/năm, lãi quá hạn là 29,7%/năm. Số lãi quá hạn phải thu là 3.045.883.500 đồng, lãi đã thu 0 đồng, còn phải thu 3.045.883.500 đồng.

Số tiền lãi quá hạn chưa trả tại bản Tình hình giao dịch tiền vay của Công ty NT tính đến ngày 10/11/2021 của Ngân hàng MB là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Do vậy buộc Công ty NT phải trả cho Ngân hàng MB số tiền nợ gốc: 740.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 145.278.686 đồng; Nợ lãi quá hạn 5.353.696.000 đồng; Tổng cộng: 6.238.974.686 đồng (tính đến ngày 10/11/2021).

Về số tiền phạt chậm trả gốc, Ngân hàng MB không yêu cầu Công ty NT phải trả nữa nên Hội đồng xét xử không xét.

** Về tài sản đảm bảo cho khoản vay:*

- Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số: 70.12.003.1052909.TD ngày 28/3/2012, tài sản bảo đảm được dùng để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán và các nghĩa vụ khác của bên vay đối với Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng và các văn kiện tín dụng khác bao gồm: thế chấp hàng tồn kho luân chuyển bao gồm các mặt hàng thành phẩm từ cói, tre, mây đan, sơn mài... phục vụ xuất khẩu tại kho ở Cụm Công nghiệp Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, Hà Nội. Trị giá 2.000.000.000 đồng.

Hiện tài sản bảo đảm của Hợp đồng này không còn nữa vì sau khi Công ty NT dừng hoạt động đã bán hết tài sản. Hiện kho tại Khu công nghiệp Chương Mỹ cũng không còn hoạt động. Khoản vay của Hợp đồng số 70 trở thành khoản vay không có tài sản bảo đảm.

- Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số: 98.12.003.1052909.TD ngày 10/4/2012, tài sản bảo đảm được dùng để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán và các nghĩa vụ khác của bên vay đối với Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng và các văn kiện tín dụng khác bao gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số 10107190851, hồ sơ gốc số 4315.2002.QĐUB/19620.2002 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 19/6/2002, có địa chỉ tại số 24, tổ 28a (nay là số 22, ngõ 651, phố Minh Khai), phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội đứng tên ông Phạm Văn V và bà Phạm Thị B.

Ngày 10/11/2021 ông Phạm Văn V đã nộp cho Ngân hàng MB số tiền 1.400.000.000 đồng. Ngân hàng MB đã giải chấp tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số 10107190851, hồ sơ gốc số 4315.2002.QĐUB/19620.2002 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 19/06/2002 đứng tên ông Phạm Văn V và bà Phạm Thị B. Vì vậy khoản vay của Hợp đồng số 98 cũng trở thành khoản vay không có tài sản bảo đảm.

Ngân hàng MB rút toàn bộ yêu cầu liên quan đến việc xử lý tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 17, tờ bản đồ số 6I-IV-33,

địa chỉ: 24 tổ 28a (nay là số 22, ngõ 651, phố Minh Khai), phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số 10107190851, hồ sơ gốc số 4315.2002.QĐUB/19620.2002 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 19/06/2002 đứng tên ông Phạm Văn V và bà Phạm Thị B. Ông Phạm Văn V cũng có đơn xin rút yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố Hợp đồng thế chấp vô hiệu, trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở cho ông Phạm Văn V. Xét việc ông V rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện nên chấp nhận, đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của ông V. Do ông V không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét việc ông V trả tiền cho Ngân hàng MB liên quan đến khoản nợ của Công ty NT mà dành quyền khởi kiện cho ông Phạm Văn V bằng một vụ án dân sự khác khi ông V có yêu cầu.

Về án phí: Do nguyên đơn Ngân hàng MB được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn Công ty NT phải nộp án phí đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng MB là 114.238.975 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn V không phải nộp án phí kinh doanh thương mại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Điều 7, khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi suất.

- Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1,2 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Quân đội đối với Công ty TNHH NT.

2. Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Phạm Văn V yêu cầu tuyên bố vô hiệu đối với Hợp đồng thế chấp số công chứng 1099.2012/HĐTC 19.2007/HĐTC ngày 05/4/2012 và buộc Ngân hàng TMCP Quân đội phải trả lại Giấy chứng nhận

quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở cho ông Phạm Văn V. Dành quyền khởi kiện cho ông Phạm Văn V liên quan đến khoản nợ của Công ty TNHH NT tại Ngân hàng TMCP Quân đội khi ông Phạm Văn V có yêu cầu bằng một vụ án dân sự khác.

3. Buộc Công ty TNHH NT phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng TMCP Quân đội với tổng số tiền phải thanh toán tính đến ngày 10/11/2021 là: 6.238.974.686 đồng (trong đó: nợ gốc là 740.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là 145.278.686 đồng; Nợ lãi quá hạn là 5.353.696.000 đồng). Cụ thể:

+ Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số: 98.12.003.1052909.TD ngày 10/4/2012: tổng số tiền phải thanh toán là 3.137.458.500 đồng, bao gồm: lãi trong hạn là 91.575.000 đồng; lãi quá hạn: 3.045.883.500 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 70.12.003.1052909.TD ngày 28/03/2012: tổng số tiền phải thanh toán là 3.101.516.186 đồng, bao gồm: Nợ gốc là 740.000.000 đồng; lãi trong hạn: 53.703.686 đồng; lãi quá hạn: 2.307.812.500 đồng.

Kể từ ngày 11/11/2021, Công ty TNHH NT phải tiếp tục chịu lãi đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số: 98.12.003.1052909.TD ngày 10/4/2012; Văn bản sửa đổi hợp đồng số 98.12.003.105299.TD/PL01 ngày 10/12/2012 và Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số: 70.12.003.1052909.TD ngày 28/3/2012; Văn bản sửa đổi hợp đồng số: 70.10.003.1052909.TD.PL01 ngày 29/10/2012; tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi trả xong nợ gốc. Trường hợp Ngân hàng TMCP Quân đội có sự điều chỉnh mức lãi suất cho vay định kỳ theo quy định của Ngân hàng thì lãi suất mà Công ty TNHH NT phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP Quân đội.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH NT phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 114.238.975 đồng.

- Ngân hàng TMCP Quân đội được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 57.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 09832 ngày 17/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa, Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố HN;
- VKS Q.Đống Đa, VKS Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án Q.Đống Đa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phương Thúy